

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM – VIETRAVEL**



MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 47
8. Phụ lục	48

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel theo Quyết định số 3556/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300465937 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần 32 ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3866 8999
- Fax : +84 (028) 3829 9142

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- Quảng cáo thương mại;
- Mua bán điện thoại di động và simcard;
- Đại lý ký gửi và mua bán máy móc, trang thiết bị lặn;
- Dịch thuật;
- Đại lý xếp dỡ, giao nhận hàng hóa theo sự ủy thác của chủ hàng;
- Đại lý và môi giới hàng hải;
- Đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và đường không;
- Dịch vụ đóng hộp, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng bằng xe ô tô;
- Dịch vụ lặn biển (hoạt động bơi lội thể thao dưới nước);
- Vận chuyển khách du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài; cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không sử dụng các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh);
- Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Bưu chính;
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Chuyển phát;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu và dịch vụ mạng xã hội;
- Dịch vụ thương mại điện tử;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Bán buôn đồ uống;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống... (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Dạy ngoại ngữ; dạy máy tính;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QUBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Dạy nghề;
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không;
- Bán quảng cáo trên chuyến bay và trên mặt đất; cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; dịch vụ chuyên ngành hàng không khác;
- Đại lý bán vé tàu hỏa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ môi giới bất động sản và đấu giá tài sản);
- Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình,...) (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động);
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp lý);
- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che...; hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; hoạt động của các sân nhảy (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); hoạt động của các phòng hát karaoke (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).

0044
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
A &
H-T.F

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Đoàn Thế Duy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Quang Liên Kha	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Nguyệt Vân Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Lưu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Lã Quốc Khánh	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Kiên Thành	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Đoàn Thế Duy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Võ Quang Liên Kha	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019
Ông Vũ Đức Biên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2017
Bà Huỳnh Phan Phương Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Hà Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
	Phó Tổng Giám đốc tập sự	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Kỳ - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.1009/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM - VIETRAVEL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

Lê Thị Thu Hiền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0095-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,518,301,560,059	1,946,486,542,780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91,230,507,075	167,893,441,029
1. Tiền	111		78,730,507,075	154,477,765,987
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,500,000,000	13,415,675,042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		731,066,066,541	701,032,580,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	731,066,066,541	701,032,580,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		422,390,641,133	750,319,503,388
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	166,184,912,050	317,478,682,418
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	196,378,667,697	304,886,642,835
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	65,292,677,760	131,005,932,099
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5,465,616,374)	(3,051,753,964)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		40,902,503,100	40,477,193,597
1. Hàng tồn kho	141	V.7	42,480,211,819	41,749,634,264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1,577,708,719)	(1,272,440,667)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		232,711,842,210	286,763,824,766
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	222,564,307,264	285,387,984,780
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,075,413,993	1,375,839,986
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	72,120,953	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		339,893,501,733	235,572,522,542
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85,781,157,748	14,780,779,330
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	85,781,157,748	14,780,779,330
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		73,353,308,752	82,442,300,296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	63,239,544,789	71,918,534,489
- Nguyên giá	222		212,234,538,118	216,225,935,510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148,994,993,329)	(144,307,401,021)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	10,113,763,963	10,523,765,807
- Nguyên giá	228		21,940,583,613	21,488,343,613
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11,826,819,650)	(10,964,577,806)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		110,516,723,036	60,347,776,364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	110,516,723,036	60,347,776,364
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16,171,450,486	16,166,254,877
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1,116,500,000	1,116,500,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	1,477,871,055	1,658,616,010
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	13,577,079,431	13,391,138,867
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		54,070,861,711	61,835,411,675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	25,105,756,378	29,256,884,342
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	28,965,105,333	32,578,527,333
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,858,195,061,792	2,182,059,065,322

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,689,824,286,925	1,943,327,597,352
I. Nợ ngắn hạn	310		1,665,854,961,925	1,209,399,430,688
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	321,389,543,886	360,361,209,171
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	174,902,234,052	398,439,408,098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19,210,838,051	22,739,051,215
4. Phải trả người lao động	314		13,346,564,240	34,550,272,166
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1,638,474,318	51,040,258,851
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,466,825,971	4,165,684,295
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	38,698,593,710	86,069,287,128
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	1,091,584,807,569	237,469,949,145
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3,617,080,128	14,564,310,619
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23,969,325,000	733,928,166,664
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	3,617,325,000	1,468,025,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	20,352,000,000	713,604,141,664
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	18,856,000,000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168,370,774,867	238,731,467,970
I. Vốn chủ sở hữu	410		168,370,774,867	238,731,467,970
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172,948,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172,948,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,315,805,325	3,030,205,325
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,080,000,000	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(6,180,498,800)	(5,041,982,400)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		415,571,555	340,868,702
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24,948,553,862	21,158,399,607
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(37,025,155,331)	78,579,200,393
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,121,738,206	78,579,200,393
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(98,146,893,537)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		8,868,168,256	14,248,446,343
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,858,195,061,792	2,182,059,065,322


 Hồ Quốc Bình
 Người lập


 La Huệ
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Kỳ
 Chủ tịch



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,522,670,933,256	7,438,383,023,154
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5,104,075,917	6,507,331,917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,517,566,857,339	7,431,875,691,237
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,365,174,828,849	6,944,690,819,707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152,392,028,490	487,184,871,530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	69,208,036,727	25,651,737,876
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	98,058,806,908	36,292,149,231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		83,202,193,974	31,487,343,718
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		(180,744,955)	(344,760,842)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	26,028,649,293	65,941,363,620
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	208,602,980,999	371,226,921,500
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(111,271,116,938)	39,031,414,213
12. Thu nhập khác	31	VI.8	16,484,162,647	31,268,462,310
13. Chi phí khác	32	VI.9	3,033,285,224	10,020,423,885
14. Lợi nhuận khác	40		13,450,877,423	21,248,038,425
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(97,820,239,515)	60,279,452,638
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1,007,800,419	16,024,044,661
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		120,862,500	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(98,948,902,434)</u>	<u>44,255,407,977</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(98,146,893,537)	45,314,487,659
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			(802,008,897)	(1,059,079,682)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.10a	<u>(7,027)</u>	<u>3,242</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		VI.10b	<u>(7,027)</u>	<u>2,936</u>



Hồ Quốc Bình
Người lập



La Huệ
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,628,835,941,174	9,545,579,804,852
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,800,297,755,269)	(8,516,393,195,581)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(137,661,673,033)	(298,993,645,871)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(100,696,661,057)	(13,221,901,292)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(9,190,236,455)	(15,744,830,064)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,161,843,969,014	1,923,492,580,989
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(275,270,287,752)	(2,691,484,239,593)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>467,563,296,622</i>	<i>(66,765,426,560)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19,408,796,070)	(46,982,146,291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,958,286,861	249,633,048
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(730,000,000,000)	(702,300,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6,364,575,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(6,528,400,000)	(50,452,173,783)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29,295,029,088	1,216,643,938
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(724,683,880,121)</i>	<i>(791,903,468,088)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.22a	28,845,600,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2,213,120,000)	(832,115,245)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	816,885,460,335	1,190,599,751,514
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(662,708,269,472)	(348,219,490,874)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(534,061,975)	(18,599,116,401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		180,275,608,888	822,949,028,994
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(76,844,974,611)	(35,719,865,654)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	167,893,441,029	203,520,845,821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		182,040,657	92,460,862
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	91,230,507,075	167,893,441,029



Hồ Quốc Bình
Người lập



La Huệ
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: điều hành tour du lịch; đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không; vận chuyển khách du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Thông tin khác

Doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm trước do bị ảnh hưởng của dịch bệnh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 13 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Có 10 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preak Monivong, phường Bung Kanh Kon I, quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Số 163, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch.	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Số 99A, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh văn hóa phẩm và các mặt hàng tiêu dùng, kinh doanh xuất nhập khẩu ấn phẩm sách in trên các chất liệu khác nhau.	95,13%	84,39%	95,13%	84,39%
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Vận tải hành khách hàng không.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Số 219-221, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đào tạo khóa học về quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch, Anh ngữ.	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%

6b. Các công ty con chưa được hợp nhất

Các công ty con sau không được hợp nhất do chỉ mới chuyển vốn đầu tư hoặc mới thành lập nên chưa góp vốn và tạm thời chưa hoạt động kinh doanh.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC.	Số 9191, phòng 219, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Số 100, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch, công thông tin chi tiết dịch vụ thương mại điện tử.	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6c. Các công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp thị – Thể thao – Du lịch – Giải trí Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.	35,00%	35,00%	35,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistrict, quận Bang Khae, Bangkok Metropolis, Thái Lan	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Số 85, đường Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều hành tour du lịch.	21,00%	21,00%	21,00%

(i) Tập đoàn nắm giữ 21% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích.

6d. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Bình Dương	Số 317, đại lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Dịch vụ Du lịch Lá Xanh	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đồng Nai	Số 59, đường 30/4, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Huế	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hải Phòng	Số 4, phố Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	Số 58, đường Pasteur, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyên Xuyên Á	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Tư vấn Du học Việt	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long Xuyên	Số 99-101, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Nha Trang	Số 100, đường Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 516, đường Quang Trung, phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cần Thơ	Số 5-7, đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vũng Tàu	Số 150, đường Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quy Nhơn	Số 515, đường Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Xuất khẩu lao động tại Hà Nội	Phòng 502, Số 2, đường Trần Thánh Tông, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xi nghiệp Xây dựng công trình dân dụng Ngôi Sao	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vinh	Số 111, đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cà Mau	Số 134, đường Nguyễn Trãi, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Rạch Giá	Số 150, đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Phú Quốc	Số 53, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Số 58, đường Điện Biên Phủ, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 18, đường 25/4, phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Lạt	Số 56, đường Phan Đình Phùng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Thanh Hóa	Số 109, đường Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm tổ chức sự kiện Đoàn Ong Việt	Số 32A, đường Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Nguồn nhân lực Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long An	Số 151, đường Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Điều hành Hướng Dẫn Viên Việt Nam	Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Chuyển đi của Bạn	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Thái Nguyên	Số 203, tổ 26, đường Lương Ngọc Quyến, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trung tâm dạy nghề Vietravel	Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Hải Dương	Số 13, đường Thanh Niên, phường Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.466 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.544 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa các Công ty trong Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng các Công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng các Công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của các công ty con được phân ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí tour

Các khoản chi phí đã trả liên quan đến các tour đang thực hiện.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tính khấu hao.

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị quyền thuê nhà và tên miền. Nguyên giá của giá trị quyền thuê nhà và tên miền là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được giá trị nhà và tên miền ở thời điểm hiện tại. Giá trị nhà và tên miền được khấu hao từ 5 năm đến 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi năm được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi năm trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu năm của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng năm.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành bao gồm doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách từ nước ngoài vào Việt Nam (Inbound Tours); doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, làm việc tại Việt Nam đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tours) và doanh thu dịch vụ du lịch nội địa (Domestic).

Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi Tập đoàn đã hoàn thành dịch vụ và các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đó được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý và Báo cáo thực hiện tour đã được phê duyệt.

Doanh thu bán vé máy bay

Doanh thu bán vé máy bay được ghi nhận khi các rủi ro và quyền sở hữu liên quan đến vé máy bay đã được chuyển sang khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.883.328.468	18.236.642.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.847.178.607	136.241.123.958
Các khoản tương đương tiền	12.500.000.000	13.415.675.042
Cộng	<u>91.230.507.075</u>	<u>167.893.441.029</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	731.066.066.541	731.066.066.541	701.032.580.000	701.032.580.000
Tại Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới ⁽ⁱⁱ⁾	532.589.041	532.589.041	500.000.000	500.000.000
Tại Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	700.300.000.000	700.300.000.000	700.300.000.000	700.300.000.000
Tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa Công ty TNHH An Incentives	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	33.477.500	33.477.500	32.580.000	32.580.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (công ty mẹ) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 30.000.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19).

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới (công ty con) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản tiền gửi này đang bị phong tỏa để ký quỹ đảm bảo cho hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

(iii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam (công ty con) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và tại Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300.000.000 VND và 700.000.000.000 VND đã bị phong tỏa để đảm bảo cho việc phát hành thẻ tín dụng và tuân thủ quy định về vốn tối thiểu cho giấy phép bay.

2b. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600207 ngày 19 tháng 9 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC. 1.116.500.000 VND (~50.000 USD) tương đương 100,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.400.000.000	(703.671.685)	696.328.315	1.400.000.000	(703.671.685)	696.328.315
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	525.000.000	(584.754)	524.415.246	525.000.000	(584.754)	524.415.246
VietNam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	781.902.800	(524.775.306)	257.127.494	781.902.800	(344.030.351)	437.872.449
Cộng	2.706.902.800	(1.229.031.745)	1.477.871.055	2.706.902.800	(1.048.286.790)	1.658.616.010

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312751298 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam 1.400.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty liên kết này (trong đó, góp bằng tài sản là 68.892.223 VND và góp bằng khoản công nợ đã chi trả cho giải tennis là 1.331.107.777 VND).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 0314181156 ngày 08 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam 525.000.000 VND, tương đương 21,00% vốn điều lệ thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài 201900655 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. 980.000 Bath, tương đương 49,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn vào công ty liên kết này.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	696.328.315	-	696.328.315
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	524.415.246	-	524.415.246
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	437.872.449	(180.744.955)	257.127.494
Cộng	1.658.616.010	(180.744.955)	1.477.871.055

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn có các giao dịch với Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ	-	15.590.000
Góp vốn	-	781.902.800

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang ⁽ⁱ⁾	9.800.960.000	-	9.800.960.000	-
Viet Nam Travel And Marketing Transports Private Limited ⁽ⁱⁱ⁾	3.776.119.431	-	3.590.178.867	-
Cộng	13.577.079.431	-	13.391.138.867	-

(i) Tập đoàn nắm giữ 935.647 cổ phiếu, chiếm 4,68% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang.

(ii) Chi phí đầu tư tiếp theo cho Viet Nam Travel And Marketing Transports Private Limited.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam (là bên liên quan)	1.219.806.882	1.219.806.882
Phải thu các khách hàng sử dụng dịch vụ du lịch lữ hành và mua vé	164.965.105.168	316.258.875.536
Cộng	166.184.912.050	317.478.682.418

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
King Dragon International Tourist Group Co., Ltd. (THAI HUI)	-	604.514.000
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	28.211.401.861	9.898.707.146
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	14.797.411.359	59.568.128.000
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	10.518.362.832	15.451.314.316
Các khoản trả trước cho các hãng hàng không và nhà cung cấp dịch vụ khác	142.851.491.645	219.363.979.373
Cộng	196.378.667.697	304.886.642.835

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.877.812.576	-	9.726.257.174	-
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam - chi hộ	-	-	2.053.678.667	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. – chi hộ	-	-	2.249.247.307	-
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	481.013.600	-	568.331.200	-
Thành viên Hội đồng quản trị - phải thu khác	1.396.798.976	-	4.855.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	63.414.865.184	-	121.279.674.925	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.402.054.795	-	19.094.068.644	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	57.730.000	-	283.605.383	-
Tạm ứng ngắn hạn	48.135.627.168	-	39.449.727.133	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.917.611.409	-	1.354.930.515	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	85.005.724	-
Cho mượn	348.889.750	-	-	-
Doanh thu trong năm xuất hóa đơn sau niên độ	-	-	4.743.380.127	-
Các khoản phải thu khác	10.552.952.062	-	56.268.957.399	-
Cộng	65.292.677.760	-	131.005.932.099	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Năm nay	Năm trước
Avolon Leasing AOE - ký quỹ thuê tàu bay	41.496.460.000	-
Minsheng Commercial Aviation (Ireland) Company Limited - ký quỹ thuê tàu bay	11.600.000.000	-
Bluesky 1 Leasing Company Limited - ký quỹ thuê tàu bay	17.386.500.000	-
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh	15.298.197.748	14.780.779.330
Cộng	85.781.157.748	14.780.779.330

6. Nợ quá hạn thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Hưng Thịnh Phát - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	637.765.727	-	Trên 3 năm	637.765.727	-
Công ty TNHH Lữ hành tin tức Quốc tế Thành Đô - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	731.983.710	-	Trên 3 năm	731.983.710	-
Công ty TNHH Vạn Phúc - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	185.005.350	-	Trên 3 năm	200.005.350	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	5.885.348.287	1.974.486.700	Trên 3 năm	1.820.715.055	338.715.878
Cộng		7.440.103.074	1.974.486.700		3.390.469.842	338.715.878

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.051.753.964	5.896.974.360
Chênh lệch tỷ giá	-	34.580
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	2.413.862.410	(2.845.254.976)
Số cuối năm	5.465.616.374	3.051.753.964

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	269.861.734	-	386.056.402	-
Hàng hóa	40.786.401.526	(1.577.708.719)	40.781.997.243	(1.272.440.667)
Hàng gửi đi bán	1.423.948.559	-	581.580.619	-
Cộng	42.480.211.819	(1.577.708.719)	41.749.634.264	(1.272.440.667)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.272.440.667	593.821.434
Trích lập dự phòng bổ sung	305.268.052	678.619.233
Số cuối năm	1.577.708.719	1.272.440.667

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tour	171.443.546.674	255.929.997.769
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.209.322.440	1.147.477.551
Phí dịch vụ lưu ký	26.041.272.727	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.870.165.423	28.310.509.460
Cộng	222.564.307.264	285.387.984.780

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.801.223.774	10.379.068.384
Chi phí trả trước khác	17.304.532.604	18.877.815.958
Cộng	25.105.756.378	29.256.884.342

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.552.801.940	6.921.699.489	165.164.178.758	18.005.243.412	3.582.011.911	216.225.935.510
Mua trong năm	-	-	49.714.545	2.045.296.573	-	2.095.011.118
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.923.441.821)	(162.966.689)	-	(6.086.408.510)
Số cuối năm	22.552.801.940	6.921.699.489	159.290.451.482	19.887.573.296	3.582.011.911	212.234.538.118
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.998.101.342	4.808.741.580	61.344.358.986	7.614.943.264	777.578.851	93.543.724.023
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	20.416.263.698	5.740.428.081	103.364.343.620	12.655.479.749	2.130.885.873	144.307.401.021
Khấu hao trong năm	362.984.218	382.905.914	8.136.094.687	1.368.312.928	298.904.394	10.549.202.141
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.698.643.144)	(162.966.689)	-	(5.861.609.833)
Phân loại lại	-	(7.982.224)	-	7.982.224	-	-
Số cuối năm	20.779.247.916	6.115.351.771	105.801.795.163	13.868.808.212	2.429.790.267	148.994.993.329

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.136.538.242	1.181.271.408	61.799.835.138	5.349.763.663	1.451.126.038	71.918.534.489
Số cuối năm	1.773.554.024	806.347.718	53.488.656.319	6.018.765.084	1.152.221.644	63.239.544.789
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 42.533.807.029 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19b).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.351.774.000	480.352.250	-	8.623.222.911	10.032.994.452	21.488.343.613
Mua trong năm	-	-	139.140.000	313.100.000	-	452.240.000
Số cuối năm	2.351.774.000	480.352.250	139.140.000	8.936.322.911	10.032.994.452	21.940.583.613
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	305.799.750	-	2.785.705.911	1.928.506.345	5.020.012.006
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	-	463.685.570	-	4.594.132.451	5.906.759.785	10.964.577.806
Khấu hao trong năm	-	12.499.998	-	601.101.006	248.640.840	862.241.844
Số cuối năm	-	476.185.568	-	5.195.233.457	6.155.400.625	11.826.819.650
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.351.774.000	16.666.680	-	4.029.090.460	4.126.234.667	10.523.765.807
Số cuối năm	2.351.774.000	4.166.682	139.140.000	3.741.089.454	3.877.593.827	10.113.763.963
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Quyền sử dụng đất tại Phú Quốc	4.623.000.000	-	4.623.000.000
Phần mềm mua sản phẩm	997.500.000	-	997.500.000
Phần mềm bán tour (TripU)	6.246.546.657	-	6.246.546.657
Hệ thống kết nối data framework	3.579.860.000	-	3.579.860.000
Phần mềm nhắn tin tự động Fanpage	51.000.000	-	51.000.000
Dự án phần mềm điều hành xe	1.935.000.000	215.000.000	2.150.000.000
Phần mềm chăm sóc khách hàng Loyalty	4.535.540.000	3.048.000.000	7.583.540.000
Dự án website, app inbound	2.427.985.160	-	2.427.985.160
Dự án 01 Nguyễn Huệ	12.727.142.721	3.306.622.253	16.033.764.974
Logo TripU	59.415.000	706.300.000	765.715.000
Phần mềm Chatbot (travel.com.vn)	401.000.000	-	401.000.000
Phần mềm E-sale	275.000.000	-	275.000.000
Bảo tàng âm thực	1.711.028.466	-	1.711.028.466
Nâng cấp phần mềm Enterprise Social Network	464.660.000	-	464.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phổ đi bộ Vinh - Nghệ An	200.000.000	-	200.000.000
Cloud Marketing	1.526.136.497	-	1.526.136.497
Nhà hàng Vietravel Đà Nẵng	-	634.418.426	634.418.426
Phần mềm web Xuyên Việt	-	40.000.000	40.000.000
Các chi phí phát triển phần mềm sản phẩm giao dịch vé điện tử tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế Giới	368.813.000	600.251.730	969.064.730
Chi phí xây dựng nhà văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	108.545.455	808.895.460	917.440.915
Chi phí cho dự án hàng không tại Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	18.109.603.408	40.809.458.803	58.919.062.211
Cộng	60.347.776.364	50.168.946.672	110.516.723.036

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Công ty TNHH An Incentives	Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.728.800.000	2.405.420.000	29.000.000.000	36.134.220.000
Số cuối năm	4.728.800.000	2.405.420.000	29.000.000.000	36.134.220.000
Số đã phân bổ				
Số đầu năm	1.142.400.000	721.626.000	1.691.666.667	3.555.692.667
Phân bổ trong năm	472.880.000	240.542.000	2.900.000.000	3.613.422.000
Số cuối năm	1.615.280.000	962.168.000	4.591.666.667	7.169.114.667
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.586.400.000	1.683.794.000	27.308.333.333	32.578.527.333
Số cuối năm	3.113.520.000	1.443.252.000	24.408.333.333	28.965.105.333

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Tiền ứng trước liên quan đến các dịch vụ Tập đoàn sẽ thực hiện cho khách hàng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.233.366.199	7.042.955.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.949.570.987	10.390.299.559
Thuế thu nhập cá nhân	4.067.871.119	4.086.341.115
Các loại thuế khác	820.116.020	404.218.932
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	139.913.726	815.236.444
Cộng	19.210.838.051	22.739.051.215

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ du lịch trong nước và các dịch vụ trong nước khác:	10%
Dịch vụ du lịch ngoài nước:	Không tính thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel	-	9.515.819.677
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	369.078.955	736.714.375
Công ty TNHH Hàng Không Lữ Hành Việt Nam	-	3.798.448.712
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	638.721.464	1.973.061.897
Cộng	<u>1.007.800.419</u>	<u>16.024.044.661</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vé máy bay và dịch vụ du lịch	1.122.371.972	27.471.090.526
Trích chi phí lãi vay	38.192.758	7.753.642
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	477.909.588	23.561.414.683
Cộng	<u>1.638.474.318</u>	<u>51.040.258.851</u>

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	783.256.324	513.519.126
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.565.255.749	511.408.121
Bảo hiểm thất nghiệp	99.518.477	29.265.267
Thuế giá trị gia tăng chờ kê khai	6.584.245.775	19.921.955.254
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	200.000.000
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	2.402.054.795	-
Cổ tức chưa chi trả	622.116.924	1.171.716.399
Nhóm cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Quốc tế Kent – tiền chuyển nhượng vốn ở công ty con chờ quyết toán	-	17.820.750.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.642.145.666	45.900.672.961
Cộng	<u>38.698.593.710</u>	<u>86.069.287.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18b. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	389.093.766.913	225.894.056.050
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 ⁽ⁱ⁾	105.561.338.083	46.414.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	240.036.918.830	47.493.581.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	56.993.597.698
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành ^(iv)	-	74.992.877.250
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	29.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Lợi ^(vi)	13.995.510.000	-
Vay các cá nhân ^(vii)	1.100.000.000	2.837.173.095
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	6.816.840.000	8.738.720.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	694.574.200.656	-
Mệnh giá trái phiếu	700.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu còn phân bổ	(5.425.799.344)	-
Cộng	1.091.584.807.569	237.469.949.145

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2019/62715/HĐTD ngày 15 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động.

(ii) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0805/2020-HĐCVHM/NHCT924 ngày 10 tháng 8 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng.
- Hợp đồng số 0401/2019-HĐCVHM/NHCT924-WORLDTRANS để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn từ ngày 16 tháng 4 năm 2019 đến ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- Hợp đồng số 0406/2020-HĐCVHM/NHCT924-WORLDTRANS để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến ngày 15 tháng 4 năm 2021.

(iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 003/1928/N-KD/01 ngày 24 tháng 6 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay đã tất toán trong năm.

(iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0111/2019/HĐTD/VIETRAVEL ngày 15 tháng 11 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay đã tất toán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng đảm bảo số 375/2020/HĐTD-BĐ GTCG-DN/SHB.130100 ngày 04 tháng 12 năm 2020 để thanh toán chi phí tiền cước vận chuyển và phí dịch vụ, thời hạn vay đến ngày 17 tháng 01 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2a)
- (vi) Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Lợi với hạn mức quy định là 15.000.000.000 để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn từ ngày 03 tháng 9 năm 2020 đến ngày 03 tháng 9 năm 2021.
- (vii) Các khoản vay ngắn hạn nhân viên để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không xác định, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Xóa số dư không còn phải trả	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.894.056.050	816.285.460.335	-	(653.085.749.472)	-	389.093.766.913
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	2.837.173.095	600.000.000	-	-	(2.337.173.095)	1.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.738.720.000	-	6.816.640.000	(8.738.520.000)	-	6.816.840.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	694.574.200.656	-	-	694.574.200.656
Cộng	237.469.949.145	816.885.460.335	701.390.840.656	(661.824.269.472)	(2.337.173.095)	1.091.584.807.569

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	20.352.000.000	27.168.640.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	20.352.000.000	27.168.640.000
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾	-	686.435.501.664
Mệnh giá trái phiếu	-	700.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu còn phải phân bổ	-	(13.564.498.336)
Cộng	20.352.000.000	713.604.141.664

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua tài sản cố định, bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 1006/2017- HĐCVDA/NHCT924 ngày 09 tháng 10 năm 2017 dùng để thanh toán tiền mua 5 xe Thaco TB120S và 10 xe Thaco TB85S-W200 phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 5 chiếc xe Thaco TB120S và 10 chiếc xe Thaco TB85S-W200 được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.10).
- Hợp đồng vay số 0405/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 04 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua tàu du lịch chở khách Phú Quốc phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 0605/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 19 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán tiền mua 15 xe Thaco phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 15 chiếc xe Thaco được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.10).

- (ii) Trái phiếu thường có giá trị 700.000.000.000 VND và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 9,25%/năm cho 15 tháng đầu tiên và tăng lên 11,00%/năm trong thời hạn còn lại của trái phiếu, được phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS. Tài sản đảm bảo là tài khoản thanh toán của Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam (“Vietravel Airlines”) được mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và toàn bộ số dư có trên các tài khoản đó.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	701.391.040.656	8.738.720.000
Trên 1 năm đến 5 năm	20.352.000.000	725.971.640.000
Trên 5 năm	-	1.197.000.000
Cộng	<u>721.743.040.656</u>	<u>735.907.360.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Chi phí phát hành trái phiếu còn phải phân bổ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	27.168.640.000	(6.816.640.000)	-	20.352.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	686.435.501.664	(694.574.200.656)	8.138.698.992	-
Cộng	<u>713.604.141.664</u>	<u>(701.390.840.656)</u>	<u>8.138.698.992</u>	<u>20.352.000.000</u>

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14.564.310.619	9.496.144.085
Số trích lập từ lợi nhuận	4.523.221.420	9.523.886.532
Số đã sử dụng	(15.470.451.911)	(4.455.719.998)
Số cuối năm	<u>3.617.080.128</u>	<u>14.564.310.619</u>

21. Trái phiếu chuyển đổi

Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi của Công ty như sau:

- Thời điểm phát hành : 22/05/2017
- Kỳ hạn gốc : 3 năm
- Kỳ hạn còn lại : Trái phiếu chuyển đổi đang chờ hoàn tất hồ sơ để tăng vốn (được trình bày tại thuyết minh V.18)
- Số lượng trái phiếu phát hành : 18.856 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lãi suất : Năm đầu lãi suất cố định 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày phát hành. Các năm tiếp theo, lãi suất được xác định bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng đối với đồng Việt Nam công bố tại website chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được xác định tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ là 3%/năm.
- Tài sản đảm bảo : Không có.
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu : Mỗi đơn vị trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo tỷ lệ 1:100, nghĩa là trái chủ sở hữu 01 trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành 100 cổ phần phổ thông của Công ty.
- Giá trị phần nợ gốc : 18.856.000.000 VND

Trái phiếu chuyển đổi này đáo hạn vào ngày 22 tháng 5 năm 2020. Tại ngày đáo hạn 17.972 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Giá trị phần nợ gốc được hoàn trả cho nhà đầu tư là 884.000.000 VND.

Trái phiếu được phát hành cho các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Bà Lê Thị Tuyết Mai	-	-	726	726.000.000
Ông Nguyễn Minh Ngọc	-	-	966	966.000.000
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	-	-	1.210	1.210.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê Hương	-	-	966	966.000.000
Ông Trần Đoàn Thế Duy	-	-	966	966.000.000
Ông Võ Quang Liên Kha	-	-	966	966.000.000
Cộng	-	-	5.800	5.800.000.000

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Lữ hành Quốc tế Sài Gòn	25.627.750.000	20.502.200.000
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	15.536.520.000	11.461.220.000
Các cổ đông khác	131.784.060.000	94.452.910.000
Cộng	172.948.330.000	126.416.330.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.294.833	12.641.633
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.294.833	12.641.633
- Cổ phiếu phổ thông	17.294.833	12.641.633
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	580.843	479.681
- Cổ phiếu phổ thông	580.843	479.681
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.713.990	12.161.952
- Cổ phiếu phổ thông	16.713.990	12.161.952
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, các công ty trong Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận như sau:

Công ty mẹ

• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	2.903.010.627
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.903.010.626
• Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	819.283.999

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế Giới

• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	246.326.870
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	389.721.794
• Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	96.000.000

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa

• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	777.197.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	777.197.000
• Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	:	537.292.000

23. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	116.414,89	210.549,34
Euro (EUR)	1.029,96	1.497,67
Yên Nhật (JPY)	1.276.699,00	531.866,00
Dollar Úc (AUD)	15.979,28	6.554,03
Bath Thái (THB)	100,00	100,00
Dollar Singapore (SGD)	144.698,16	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	816.741.162.700	5.841.232.744.634
Doanh thu bán vé máy bay	461.201.676.320	1.424.068.876.054
Doanh thu bán hàng hóa	152.417.513.582	134.968.516.109
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	92.310.580.654	38.112.886.357
Cộng	<u>1.522.670.933.256</u>	<u>7.438.383.023.154</u>

1b. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	4.308.524.462	5.803.113.481
Hàng bán bị trả lại	734.095.102	631.051.836
Giảm giá hàng bán	61.456.353	73.166.600
Cộng	<u>5.104.075.917</u>	<u>6.507.331.917</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.933.047.277	100.477.713.572
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.355.936.513.520	6.843.525.486.902
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	305.268.052	687.619.233
Cộng	<u>1.365.174.828.849</u>	<u>6.944.690.819.707</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	65.113.410.678	20.156.879.631
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	153.832.951
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.744.959.077	5.308.318.825
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	14.880.707
Doanh thu tài chính khác	349.666.972	17.825.762
Cộng	<u>69.208.036.727</u>	<u>25.651.737.876</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	83.202.193.974	31.487.343.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.493.257.650	1.827.066.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	550.710.801	223.036.642
Chi phí phát hành trái phiếu	9.747.426.265	2.712.899.664
Chi phí tài chính khác	65.218.218	41.802.736
Cộng	<u>98.058.806.908</u>	<u>36.292.149.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.618.237.000	5.998.504.978
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.899.532	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.122.261.191	18.581.520.571
Các chi phí khác	12.282.251.570	41.361.338.071
Cộng	<u>26.028.649.293</u>	<u>65.941.363.620</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	58.295.259.762	146.440.892.415
Chi phí vật liệu quản lý	2.206.768.424	836.516.759
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.124.968.946	3.329.259.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.345.159.646	22.172.235.151
Phân bổ lợi thế thương mại	3.613.422.000	2.160.688.667
Thuế, phí và lệ phí	5.047.774.220	19.397.842.032
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.413.862.410	(2.845.254.976)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.030.156.434	152.701.642.100
Các chi phí khác	76.525.609.157	27.033.100.319
Cộng	<u>208.602.980.999</u>	<u>371.226.921.500</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.793.727.270	-
Các khoản công nợ không xác định được chủ	10.112.876.964	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	90.743.544	15.071.461
Các khoản hoa hồng hỗ trợ từ nhà cung cấp	222.898.385	18.763.795.124
Doanh thu coupon hết hạn sử dụng	64.035.249	3.447.706.561
Các khoản thu nhập khác	4.199.881.235	9.041.889.164
Cộng	<u>16.484.162.647</u>	<u>31.268.462.310</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	133.889.586	86.382.826
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.469.031.510	4.948.891.672
Thuế bị phạt, bị truy thu	377.775.697	820.509.859
Chi phí bồi hoàn do hủy tour khách	15.417.221	816.452.000
Các khoản chi phí khác	1.037.171.210	3.348.187.528
Cộng	<u>3.033.285.224</u>	<u>10.020.423.885</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(98.146.893.537)	45.314.487.659
(-) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.069.929.420)
(-) Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(1.452.575.999)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(98.146.893.537)	39.791.982.240
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>13.967.920</u>	<u>12.273.754</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(7.027)</u>	<u>3.242</u>

- (i) Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo đúng số được duyệt từ lợi nhuận năm trước. Việc áp dụng này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 2.924 VND lên thành 3.242 VND.

10b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(98.146.893.537)	39.791.982.240
Lãi trái phiếu chuyển đổi trong năm	-	1.776.460.804
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(98.146.893.537)	41.568.443.044
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>13.967.920</u>	<u>14.159.354</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(7.027)</u>	<u>2.936</u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.967.920	12.273.754
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm (trái phiếu chuyển đổi)	-	1.885.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>13.967.920</u>	<u>14.159.354</u>

Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo đúng số được duyệt từ lợi nhuận năm trước. Việc áp dụng này làm cho lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước tăng từ 2.659 VND lên thành 2.936 VND.

10c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.699.302.244	4.072.131.415
Chi phí nhân công	74.077.910.449	167.240.569.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.411.443.985	22.573.498.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.615.994.683	1.529.479.891.653
Chi phí khác	98.069.824.418	91.207.516.621
Cộng	<u>766.874.475.779</u>	<u>1.814.573.607.729</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.261.214.731	8.308.545.969
Tiền thưởng	845.489.773	7.568.497.866
Thù lao	819.284.000	2.962.962.302
Cộng	<u>4.925.988.504</u>	<u>18.840.006.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tiếp thị - Thể thao - Du lịch - Giải trí Việt Nam	Công ty liên kết
VietNam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ du lịch và chủ yếu ở Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định của Hội đồng quản trị, Tập đoàn đã thực hiện chuyển nhượng 935.647 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang với giá chuyển nhượng là 12.163.411.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Hồ Quốc Bình
Người lập



La Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chiênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	126,416,330,000	3,030,205,325	-	(3,487,459,300)	(269,365)	16,004,315,204	66,804,575,043	15,959,700,637	224,727,397,544
Mua lại cổ phiếu đã phát hành bằng tiền trong kỳ trước	-	-	-	(832,115,245)	-	-	-	-	(832,115,245)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành thông qua cần trừ công nợ trong kỳ trước	-	-	-	(722,407,855)	-	-	(18,340,260,000)	(800,000,000)	(722,407,855)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	45,314,487,659	(1,059,079,682)	(19,140,260,000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	5,154,084,403	(14,179,634,358)	(498,336,577)	44,255,407,977
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(9,523,886,532)
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(820,209,000)	-	(820,209,000)
Chiênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND trong kỳ trước	-	-	-	-	341,138,067	-	-	-	341,138,067
Tặng vốn tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	772,000,000
Điều chỉnh giảm khác trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(199,758,951)	(125,838,035)	(325,596,986)
Số dư cuối năm trước	126,416,330,000	3,030,205,325	-	(5,041,982,400)	340,868,702	21,158,399,607	78,579,200,393	14,248,446,343	238,731,467,970
Số dư đầu năm nay	126,416,330,000	3,030,205,325	-	(5,041,982,400)	340,868,702	21,158,399,607	78,579,200,393	14,248,446,343	238,731,467,970
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	-	-	1,080,000,000	-	-	-	(1,080,000,000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ này	28,560,000,000	285,600,000	-	-	-	-	-	-	28,845,600,000
Tặng vốn do chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	17,972,000,000	-	-	(1,138,516,400)	-	-	(2,105,341,056)	(107,778,944)	17,972,000,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	3,790,154,255	(98,146,893,537)	(802,008,897)	(3,351,636,400)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(8,233,942,385)	(79,433,290)	(98,948,902,434)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(819,283,999)	-	(819,283,999)
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	74,702,853
Chiênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND trong năm nay	-	-	-	-	74,702,853	-	-	-	74,702,853
Tặng vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thép giới	-	-	-	-	-	-	-	720,000,000	720,000,000
Tặng vốn tại Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	-	-	-	-	-	-	-	3,400,000,000	3,400,000,000
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent - Xứ lý nợ liên quan cổ đông cũ khi chuyển nhượng cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	(10,112,876,964)	(10,112,876,964)
Phân loại lại chi phí đầu tư tại Viet Nam Travel And Marketing Transports Private Limited sang đầu tư khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(3,776,119,431)
Điều chỉnh khác trong năm nay	-	-	1,080,000,000	(6,180,498,800)	415,571,555	-	(37,075,315,331)	1,601,820,008	(3,776,119,431)
Số dư cuối năm nay	172,948,330,000	3,315,805,325	1,080,000,000	(6,180,498,800)	415,571,555	24,948,553,862	(37,075,315,331)	8,868,168,256	168,370,774,867

Handwritten signature

Hồ Quốc Bình
 Người lập

La Huệ
 Kế toán trưởng

